

Số: 2941 /QCPH-UBND

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 9 năm 2026

QUY CHẾ PHỐI HỢP
Trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản
tại khu vực giáp ranh giữa tỉnh Thái Nguyên và thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản số 147/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 37/2025/TT-BCT ngày 14/6/2025 của Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về công thương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 50/2026/TT-BCT ngày 13/9/2026 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 37/2025/TT-BCT;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội;

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội thống nhất ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý nhà nước về khoáng sản tại khu vực giáp ranh giữa hai tỉnh, thành phố (sau đây gọi tắt là khu vực giáp ranh) với các nội dung như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung và phương thức phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc tỉnh Thái Nguyên và thành phố Hà Nội trong công tác quản lý nhà nước về khoáng sản tại khu vực giáp ranh; trong đó bao gồm công tác phối hợp quản lý cát, sỏi lòng sông, lòng hồ tại khu vực giáp ranh theo quy định tại Điều 114 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

Các nội dung phối hợp chưa được quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Quy chế này áp dụng đối với các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp xã tại khu vực giáp ranh và các tổ chức, cá nhân hoạt động liên quan đến khoáng sản tại khu vực giáp ranh.

Điều 2. Mục đích

1. Thiết lập cơ chế phối hợp thống nhất, đồng bộ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoáng sản tại khu vực giáp ranh.

2. Tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương của hai tỉnh, thành phố trong quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản và xử lý vi phạm.

3. Phòng ngừa, phát hiện và xử lý kịp thời hoạt động khoáng sản trái phép; hạn chế chồng chéo, bỏ sót trong quản lý.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Việc phối hợp giữa hai tỉnh, thành phố được thực hiện trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật; bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan, địa phương và phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước về khoáng sản tại khu vực giáp ranh.

2. Bảo đảm phối hợp thường xuyên, kịp thời, chặt chẽ; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chia sẻ, kết nối dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước về khoáng sản.

3. Trong quá trình phối hợp, các cơ quan, đơn vị chủ động trao đổi, thống nhất phương án xử lý các vấn đề phát sinh; xác định rõ trách nhiệm chủ trì, phối hợp, không để chồng chéo, bỏ sót nhiệm vụ; trường hợp vượt thẩm quyền thì kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân hai tỉnh, thành phố xem xét, quyết định.

4. Bảo đảm nguyên tắc một việc chỉ giao một cơ quan chủ trì; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan phối hợp; gắn trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức thực hiện.

5. Quy chế này không thay thế các quy định của pháp luật về thẩm quyền quản lý nhà nước về khoáng sản; việc phối hợp phải bảo đảm đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Chương II

HÌNH THỨC VÀ NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 4. Phương thức phối hợp

Tùy theo tính chất, nội dung cần phối hợp, các phương thức phối hợp gồm:

1. Phối hợp bằng văn bản.

Trường hợp cần thiết, để đảm bảo tính hiệu quả, kịp thời trong giải quyết công việc, có thể trao đổi trực tiếp, qua điện thoại, thư điện tử hoặc các nền tảng số phù hợp; sau đó có văn bản theo quy định.

2. Thành lập đoàn công tác, đoàn kiểm tra liên tỉnh, thành phố, liên xã.
3. Tổ chức các cuộc họp, hội nghị.

Điều 5. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin

- a) Các sở, ban, ngành của hai tỉnh, thành phố có trách nhiệm trao đổi, cung cấp thông tin liên quan đến tài nguyên khoáng sản, tình hình hoạt động khoáng sản, công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản tại khu vực giáp ranh.
- b) Ủy ban nhân dân cấp xã tại khu vực giáp ranh chủ động trao đổi thông tin thuộc phạm vi quản lý; kịp thời báo cáo cơ quan cấp trên khi phát sinh vấn đề.
- c) Công an hai tỉnh, thành phố phối hợp trao đổi thông tin về tình hình an ninh, trật tự; phương thức, thủ đoạn hoạt động của các đối tượng vi phạm; phối hợp phòng ngừa, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản.
- d) Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về khoáng sản hai tỉnh, thành phố phối hợp trao đổi thông tin về quy hoạch, điều tra cơ bản địa chất, cấp phép hoạt động khoáng sản; phối hợp trong việc lấy ý kiến đối với các khu vực giáp ranh; kiểm tra, xác định mốc giới, tọa độ khu vực khai thác trên thực địa đối với các mỏ nằm tại khu vực giáp ranh.
- đ) Phối hợp xây dựng, cập nhật, chia sẻ cơ sở dữ liệu về khoáng sản tại khu vực giáp ranh; từng bước kết nối, đồng bộ với hệ thống thông tin quản lý khoáng sản của Bộ Công Thương.

2. Phối hợp trong công tác kiểm tra, kiểm soát, nắm tình hình

- a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương tại khu vực giáp ranh chủ động phối hợp kiểm tra, kiểm soát, nắm tình hình hoạt động khoáng sản; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm theo quy định.
- b) Cơ quan chủ trì kiểm tra có trách nhiệm thông báo trước cho cơ quan cùng cấp của địa phương giáp ranh để phối hợp thực hiện; trường hợp đột xuất thì thông báo ngay sau khi triển khai.
- c) Công an hai tỉnh, thành phố chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc kiểm tra, kiểm soát, nắm tình hình hoạt động khoáng sản và hoạt động vận chuyển khoáng sản tại khu vực giáp ranh; huy động lực lượng, phương tiện; áp dụng các biện pháp nghiệp vụ nhằm phát hiện, ngăn chặn, điều tra, xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản; kiểm tra nguồn gốc khoáng sản, hóa đơn, chứng từ; bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông tại khu vực khai thác, vận chuyển khoáng sản.

3. Phối hợp trong công tác xử lý vi phạm

- a) Việc xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản tại khu vực giáp ranh được thực hiện theo đúng thẩm quyền của từng địa phương và quy định của pháp luật có liên quan.

b) Trường hợp vi phạm xảy ra trên địa bàn của tỉnh, thành phố nào thì tỉnh, thành phố đó chủ trì xử lý; trường hợp vi phạm liên quan đến địa bàn của cả hai tỉnh, thành phố thì địa phương phát hiện trước chủ trì xử lý, các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

c) Trường hợp không xác định rõ địa giới hành chính, các cơ quan, đơn vị của hai tỉnh, thành phố phối hợp xác minh, thống nhất phương án xử lý.

d) Trường hợp vụ việc phức tạp, liên quan đến nhiều địa bàn hoặc có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng, cơ quan chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan của hai tỉnh, thành phố báo cáo Ủy ban nhân dân hai tỉnh, thành phố để xem xét, chỉ đạo xử lý theo quy định.

đ) Trường hợp vượt thẩm quyền, cơ quan chủ trì có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân hai tỉnh, thành phố để kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

e) Các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp hoàn thiện hồ sơ, tổ chức thực hiện và theo dõi việc chấp hành quyết định xử lý vi phạm; kịp thời thông báo kết quả xử lý cho địa phương liên quan.

4. Phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật

Ủy ban nhân dân cấp xã tại khu vực giáp ranh phối hợp tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khoáng sản; công khai tình hình vi phạm và kết quả xử lý theo quy định; vận động tổ chức, cá nhân và Nhân dân tham gia phát hiện, tố giác hành vi vi phạm.

5. Phối hợp trong cấp phép hoạt động khoáng sản

a) Khi thực hiện cấp phép hoạt động khoáng sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại khu vực giáp ranh, người có thẩm quyền cấp phép có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giáp ranh trước khi quyết định.

b) Thời hạn trả lời là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến hoặc theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Trường hợp ý kiến không thống nhất, cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về khoáng sản hai tỉnh, thành phố có trách nhiệm tổng hợp, trao đổi, thống nhất; trường hợp vẫn còn ý kiến khác nhau thì báo cáo Ủy ban nhân dân hai tỉnh, thành phố xem xét, quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

d) Chia sẻ dữ liệu quan trắc khai thác đối với các mỏ giáp ranh và có chính sách ưu tiên chia sẻ, cung cấp khoáng sản phục vụ dự án trọng điểm quốc gia trên địa bàn hai tỉnh, thành phố.

6. Phối hợp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác

a) Ủy ban nhân dân cấp xã tại khu vực giáp ranh chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã giáp ranh của tỉnh liên kết tổ chức tuần tra, kiểm soát, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo quy định.

b) Kịp thời phát hiện, ngăn chặn ban đầu và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xử lý đối với hoạt động khai thác khoáng sản trái phép.

c) Khi cần thiết, tổ chức lực lượng liên xã để phối hợp kiểm tra, xử lý theo quy định.

7. Phối hợp trong quản lý cát, sỏi lòng sông, lòng hồ tại khu vực giáp ranh

a) Cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về khoáng sản hai tỉnh, thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã khu vực giáp ranh và các cơ quan liên quan phối hợp quản lý hoạt động thăm dò, khai thác, vận chuyển, tập kết, kinh doanh cát, sỏi lòng sông, lòng hồ tại khu vực giáp ranh theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp trao đổi thông tin về khu vực được cấp phép thăm dò, khai thác cát, sỏi lòng sông, lòng hồ; công suất, thời gian, phạm vi, mốc giới khai thác; phương tiện khai thác, vận chuyển; bến bãi tập kết, tiêu thụ cát, sỏi và các thông tin khác có liên quan đến quản lý cát, sỏi tại khu vực giáp ranh.

c) Khi phát hiện hoạt động khai thác, vận chuyển, tập kết, kinh doanh cát, sỏi lòng sông, lòng hồ có dấu hiệu vi phạm, cơ quan, địa phương phát hiện có trách nhiệm kịp thời thông báo cho cơ quan, địa phương giáp ranh để phối hợp kiểm tra, ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền.

d) Trường hợp hoạt động khai thác, vận chuyển cát, sỏi liên quan đến địa bàn hai tỉnh, thành phố hoặc khó xác định ranh giới hành chính, các cơ quan chức năng của hai tỉnh, thành phố phối hợp xác minh vị trí, phạm vi, tọa độ, tuyến vận chuyển, nguồn gốc khoáng sản và thống nhất phương án xử lý theo quy định.

đ) Công an hai tỉnh, thành phố phối hợp kiểm tra, kiểm soát phương tiện khai thác, vận chuyển cát, sỏi; kiểm tra nguồn gốc khoáng sản, hóa đơn, chứng từ, việc chấp hành quy định về an ninh, trật tự, an toàn giao thông, bảo vệ môi trường và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

e) Ủy ban nhân dân cấp xã khu vực giáp ranh phối hợp tuần tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện, ngăn chặn hoạt động khai thác cát, sỏi trái phép; tổng hợp tình hình, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông qua cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về khoáng sản để theo dõi, chỉ đạo.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân cấp xã tại khu vực giáp ranh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung phối hợp theo Quy chế này;

định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân hai tỉnh, thành phố (qua cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về khoáng sản) kết quả thực hiện.

2. Các sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị liên quan của hai tỉnh, thành phố theo chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung phân công chủ trì, phối hợp tại Quy chế này có trách nhiệm tổ chức thực hiện.

3. Cơ quan chuyên môn về khoáng sản của hai tỉnh, thành phố là cơ quan đầu mối, có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc việc thực hiện; tổng hợp, báo cáo; tham mưu tổ chức kiểm tra liên tỉnh; đề xuất sửa đổi, bổ sung Quy chế khi cần thiết.

4. Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân hai tỉnh, thành phố tổ chức họp, hội nghị để đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Quy chế; kịp thời chỉ đạo giải quyết các vấn đề phát sinh.

Điều 7. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân hai tỉnh, thành phố (qua cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về khoáng sản hai tỉnh, thành phố) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân hai tỉnh, thành phố; Giám đốc các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

TM. UBND TỈNH THÁI NGUYÊN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thị Loan

TM. UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Duy Cường

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Công Thương;
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Thường trực Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Hà Nội;
- Các sở, ban, ngành của Thái Nguyên và thành phố Hà Nội;
- UBND các xã giáp ranh: giữa tỉnh Thái Nguyên và thành phố Hà Nội;
- Cổng Thông tin điện tử: tỉnh Thái Nguyên và thành phố Hà Nội;
- Lưu: VT.